

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CK 2-12B

Câu 1. Cây công nghiệp được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên là

- A. lạc. B. đậu tương. C. cà phê. D. mía.

Câu 2. Khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Tây Nguyên?

- A. Nam Giang. B. Cầu Treo. C. Lao Bảo. D. Lệ Thanh.

Câu 3. Công nghiệp chế biến của Tây Nguyên đang được đẩy mạnh chủ yếu là nhờ

- A. điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi.
B. việc tăng cường nguồn lao động cả về số lượng và chất lượng.
C. việc tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng thị trường.
D. nền nông nghiệp hàng hoá của vùng phát triển mạnh.

Câu 4. Việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên chủ yếu dựa vào các điều kiện thuận lợi nào sau đây?

- A. Khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất badan giàu dinh dưỡng.
B. Đất badan có diện tích rộng, giống cây trồng có chất lượng tốt.
C. Đất badan ở trên những mặt bằng rộng, nguồn nước dồi dào.
D. Khí hậu mát mẻ trên các cao nguyên cao trên 1000m, đất tốt.

Câu 5. Giải pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nâng cao giá trị sản xuất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên?

- A. Mở rộng thêm diện tích trồng trọt. B. Đẩy mạnh chế biến sản phẩm.
C. Đa dạng hóa cơ cấu cây trồng. D. Quy hoạch các vùng chuyên canh.

Câu 6. Vị trí địa lí là nhân tố gây nên khó khăn chủ yếu nào sau đây của Tây Nguyên?

- A. Mùa khô kéo dài và rất sâu sắc. B. Không có khoáng sản.
C. Tài nguyên rừng đang suy giảm. D. Trình độ lao động thấp.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây không phải là đặc điểm tự nhiên của Tây Nguyên?

- A. Khí hậu có tính chất cận xích đạo với một mùa mưa và một mùa khô kéo dài.
B. Trữ năng thủy điện tập trung chủ yếu trên các dòng sông Sê San và Xrê Pôk.
C. Độ che phủ rừng lớn nhưng thời gian gần đây đang bị suy giảm nghiêm trọng.
D. Đất phù sa là chủ yếu và phân bố tập trung trên các cao nguyên bằng phẳng.

Câu 8. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt thuộc các tỉnh/thành phố nào sau đây?

- A. Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi.
B. Tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng.
C. Tỉnh Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng.
D. Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

Câu 9. Các đồng muối nổi tiếng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Thuận An, Văn Lý. B. Cà Ná, Sa Huỳnh.
C. Cà Ná, Văn Lý. D. Sa Huỳnh, Thuận An.

Câu 10. Khu du lịch biển đảo Quy Nhơn thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Nam. B. Bình Thuận. C. Quảng Ngãi. D. Bình Định.

Câu 11. Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đông Nam Bộ là

- A. bảo tồn sự đa dạng sinh học. B. có giá trị du lịch sinh thái cao.
C. bảo tồn những di tích lịch sử. D. diện tích nuôi trồng thủy sản.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nguồn nhập cư lớn, lao động đông. B. Cơ cấu kinh tế tiên bộ nhất cả nước.
C. Nền kinh tế hàng hóa sớm phát triển. D. giá trị sản xuất nông nghiệp lớn nhất.

Câu 13. Các ngành công nghiệp nào sau đây ở Đông Nam Bộ phát triển dựa trên lợi thế về tài nguyên và lao động?

- A. Khai thác dầu thô và khí tự nhiên, dệt, may và giày, dép.
B. Sản xuất, chế biến thực phẩm, đồ uống; sản xuất máy vi tính.
C. Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm.
D. Cơ khí ô tô, dệt, may và giày, dép; sản xuất sản phẩm điện tử.

Câu 14. Thế mạnh chủ yếu về điều kiện kinh tế - xã hội của Đông Nam Bộ không phải là

- A. dân số đông, nguồn lao động dồi dào, có nhiều lao động trẻ.
B. lao động có trình độ và chuyên môn đào tạo chiếm tỉ lệ cao.
C. có cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật đồng bộ, hiện đại.
D. tỉ lệ dân nhập cư cao, có truyền thống sản xuất nông nghiệp.

Câu 15. Khu vực nào sau đây ở Đồng bằng sông Cửu Long tập trung nhiều than bùn nhất?

- A. Kiên Giang. B. Đồng Tháp Mười.
C. Tứ giác Long Xuyên. D. U Minh.

Câu 16. Khoáng sản chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện đang được khai thác là

- A. đá vôi. B. dầu khí. C. vàng. D. ti tan.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây không đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. giáp Lào, Biển Đông, Đông Nam Bộ. B. giáp Cam-pu-chia và Đông Nam Bộ.
C. điều kiện đa dạng hoá kinh tế biển. D. có điều kiện mở rộng giao lưu quốc tế.

Câu 18. Đồng bằng sông Cửu Long có

- A. Lượng mưa lớn trong suốt cả năm. B. Nhiều loại đất phù sa khác nhau.
C. Khoáng sản đa dạng và phong phú. D. Nhiều vũng, vịnh biển nước sâu.

Câu 19. Thành phố nào sau đây ở Đồng bằng sông Cửu Long trực thuộc Trung ương?

- A. Cần Thơ. B. Long Xuyên. C. Cà Mau. D. Mỹ Tho

Câu 20. Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu dựa vào

- A. hoa màu lương thực. B. phụ phẩm thủy sản.
C. thức ăn công nghiệp. D. các đồng cỏ tự nhiên.

Câu 21. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Diện tích lớn nhất so với các vùng khác. B. Phân hóa thành hai tiểu vùng.
C. Dân số đông nhất so với các vùng khác. D. Giáp cả Trung Quốc và Lào.

Câu 22. Loại khoáng sản kim loại có nhiều nhất ở Tây Bắc là

- A. đồng, niken. B. thiếc, bôxit. C. đồng, vàng. D. apatit, sắt.

Câu 23. Loại khoáng sản làm nguyên liệu quan trọng để sản xuất phân lân và có trữ lượng lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. pi-rit. B. gra-phot. C. a-pa-tit. D. mica.

Câu 24. Bãi biển du lịch nào sau đây không thuộc đồng bằng sông Hồng?

- A. Cát Bà. B. Trà Cổ. C. Đồ Sơn. D. Sầm Sơn.

Câu 25. Thế mạnh nào sau đây tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?

- A. Đất phù sa màu mỡ. B. Nguồn nước phong phú.
C. Khí hậu có mùa đông lạnh. D. Ít có thiên tai.

Câu 26. Đồng bằng sông Hồng có tài nguyên nước ngọt phong phú chủ yếu là do

- A. có lượng mưa dồi dào.
- B. có hai hệ thống sông lớn.
- C. địa hình bằng phẳng.
- D. vị trí nằm tiếp giáp với biển.

Câu 27. Tài nguyên thiên nhiên nổi bật của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là

- A. thủy sản.
- C. dầu mỏ và khí đốt.
- B. du lịch biển
- D. đất đỏ ba dan.

Câu 28. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta?

- A. Hội tụ được khá nhiều thế mạnh.
- C. Đã được hình thành từ rất lâu đời.
- B. Có tỉ trọng lớn trong GDP của cả nước.
- D. Bao gồm phạm vi nhiều tỉnh, thành phố.

Câu 29. Phát biểu nào sau đây không đúng với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của nước ta?

- A. Nguồn lao động dồi dào, sớm tiếp cận kinh tế thị trường.
- B. Được bổ sung nguồn nguyên liệu dồi dào ở các vùng khác.
- C. Tài nguyên tự nhiên nổi trội hàng đầu là các mỏ dầu khí.
- D. Các thế mạnh của vùng khai thác chưa đạt hiệu quả cao.

Câu 30. Mục đích chủ yếu của việc tăng nhanh tỉ trọng khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế hàng hóa
- C. hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm.
- D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Câu 31. Phát biểu nào sau đây không đúng với du lịch biển ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Du lịch là ngành kinh tế thế mạnh của vùng.
- B. Số khách du lịch nội địa đông, doanh thu lớn.
- C. Hoạt động diễn ra mạnh nhất vào mùa đông.
- D. Có các địa bàn trọng điểm du lịch trong vùng.

Câu 32. Phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về sức ép dân số đối với việc phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Phần lớn nguyên liệu cho công nghiệp phải nhập khẩu.
- B. Bình quân diện tích đất nông nghiệp theo đầu người thấp.
- C. Vấn đề việc làm gặp nhiều nan giải, nhất là ở thành phố.
- D. Sản lượng lương thực bình quân theo đầu người thấp.

Câu 33. Vấn đề dân số có ý nghĩa đặc biệt quan trọng ở Đồng bằng sông Hồng vì

- A. là thị trường tiêu thụ tại chỗ rộng lớn.
- B. đáp ứng lao động cho nền nông nghiệp.
- C. tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.
- D. đời sống nhân dân chậm được cải thiện.

Câu 34. Trong phát triển kinh tế, vùng Đông Nam Bộ đang phải đối mặt với hạn chế về tự nhiên là

- A. cát lún, cát bay và hoang mạc hoá.
- B. thiếu nước nghiêm trọng vào đầu mùa hạ.
- C. ô nhiễm môi trường, đặc biệt là môi trường nước.
- D. ngập lụt trên diện rộng vào thời kì mùa mưa.

Câu 35. Nhận định nào sau đây đúng với ngành dịch vụ của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Là ngành kinh tế mới được chú trọng phát triển trong thời gian gần đây,

B. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là khoáng sản và hàng tiêu dùng.

C. Vùng có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải và ngày càng hoàn thiện.

D. Vùng có nhiều di sản thiên nhiên và di sản văn hoá thế giới.

Câu 36. Nhận định nào sau đây đúng với thế mạnh tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ?

A. Địa hình bằng phẳng thuận lợi cho quy hoạch phát triển kinh tế.

B. Khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt cao thuận lợi cho phát triển nông nghiệp nhiệt đới.

C. Đất phù sa màu mỡ thuận lợi cho việc sản xuất cây công nghiệp hàng năm.

D. Cát trắng và khí tự nhiên là tài nguyên khoáng sản quan trọng bậc nhất của vùng.

Câu 37. Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Vĩnh Long.

B. Đồng Nai.

C. Cà Mau.

D. Trà Vinh.

Câu 38. Đất phù sa ngọt của vùng Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở

A. dọc sông Tiền và sông Hậu.

B. rải rác khắp trong vùng.

C. Đồng Tháp Mười, Hà Tiên và vùng trũng Cà Mau.

D. các tỉnh ven Biển Đông và vịnh Thái Lan.

Câu 39. Ngành công nghiệp nào sau đây không có mặt ở trung tâm công nghiệp Cần Thơ?

A. Công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm và sản xuất đồ uống.

B. Công nghiệp dệt và sản xuất trang phục

C. Công nghiệp hoá chất, phân bón.

D. Công nghiệp sản xuất nhiệt điện.

Câu 40. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long được thành lập vào năm nào sau đây?

A. Năm 2009.

B. Năm 1998.

C. Năm 2004.

D. Năm 2006.

Câu 41. Thế mạnh hàng đầu của vùng KTTĐ miền Trung nước ta là

A. vị trí chuyển tiếp giữa các vùng phía Bắc và phía Nam.

B. khai thác tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản và rừng.

C. lao động dồi dào, chất lượng ngày càng được nâng cao.

D. cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng đang được đầu tư phát triển.

Câu 42. Bãi biển du lịch nào sau đây không thuộc đồng bằng sông Hồng?

A. Cát Bà.

B. Trà Cổ.

C. Đồ Sơn.

D. Sầm Sơn.

Câu 43. Thế mạnh nào sau đây tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông?

A. Đất phù sa màu mỡ.

B. Nguồn nước phong phú.

C. Khí hậu có mùa đông lạnh.

D. Ít có thiên tai.

Câu 44. Nơi có thể trồng và sản xuất hạt giống rau ôn đới với quy mô lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. Mẫu Sơn (Lạng Sơn).

B. Sa Pa (Lào Cai).

C. Mộc Châu (Sơn La).

D. Đồng Văn (Hà Giang).

Câu 45. Thuận lợi để Bắc Trung Bộ phát triển công nghiệp sản xuất đồ uống là

A. có mật độ sông ngòi khá cao.

B. có một số nguồn nước khoáng.

C. rừng tự nhiên có diện tích lớn.

D. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

Câu 46. Điều kiện để Bắc Trung Bộ hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm là

A. lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang và có đủ đồi, núi, đồng bằng; biển đảo.

B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, đồi trước núi, đất feralit khá màu mỡ.

C. dải đồng bằng ven biển hẹp ngang, kéo dài, chủ yếu là đất cát pha.

D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá.

Câu 47. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. hỗ trợ nguồn nguyên liệu cho vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng lân cận.

B. gắn sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản với phát triển công nghiệp chế biến.

C. giải quyết việc làm, cải thiện thêm chất lượng cuộc sống cho người lao động.

D. hình thành và phát triển nông nghiệp của vùng theo hướng chuyên môn hóa.

Câu 48. Phát biểu nào sau đây không đúng với giao thông vận tải biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Giữ vai trò quan trọng, tạo ra các quan hệ kinh tế trong và ngoài nước.

B. Có nhiều cảng biển được xây dựng, một số cảng có vai trò quan trọng.

C. Đã hình thành được nhiều cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất cả nước.

D. Khối lượng hàng hoá vận chuyển, hàng hoá luân chuyển ở đây khá lớn.

Câu 49. Tại sao cần phải chú ý đến vấn đề môi trường trong các công trình thủy điện lớn ở vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

A. Ảnh hưởng đến tài nguyên rừng, đất, làm thay đổi dòng chảy và lưu lượng nước sông.

B. Làm thay đổi dòng chảy của sông ngòi, gây nên tình trạng lũ quét ở vùng hạ lưu sông.

C. Làm thay đổi môi trường trong vùng, tác động mạnh đến môi trường vùng hạ lưu sông.

D. Làm suy giảm tài nguyên rừng, gây nên tình trạng ngập lụt ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 50. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. hỗ trợ nguồn nguyên liệu cho vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng lân cận.

B. gắn sản xuất cây công nghiệp, cây đặc sản với phát triển công nghiệp chế biến.

C. giải quyết việc làm, cải thiện thêm chất lượng cuộc sống cho người lao động.

D. hình thành và phát triển nông nghiệp của vùng theo hướng chuyên môn hóa.

Câu 51. Phương hướng nào sau đây là chủ yếu để đẩy mạnh chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. Đảm bảo việc vận chuyển sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ, nhập giống chất lượng.

B. Cải tạo, nâng cao năng suất các đồng cỏ, phát triển hệ thống chuồng trại, dịch vụ thú y.

C. Tăng cường hệ thống chuồng trại, đẩy mạnh việc chăn nuôi theo hình thức công nghiệp.

D. Phát triển theo hướng hàng hóa, đảm bảo thức ăn, kiểm soát dịch bệnh, tăng chế biến.

PHẦN 2: ĐÚNG SAI

Câu 1. Cho thông tin sau:

Tây Nguyên có khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa với mùa mưa và mùa khô rõ rệt, phù hợp đặc điểm sinh thái của nhiều loại cây công nghiệp. Tuy nhiên, hiện nay do biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp, mùa khô kéo dài, cộng thêm các công trình thủy lợi xuống cấp nên không đáp ứng đủ nước cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp nói chung và phát triển cây công nghiệp chủ lực nói riêng của vùng. Biến đổi khí hậu làm thay đổi quy luật thời tiết, từ đó gia tăng dịch bệnh hại cây trồng làm tăng chi phí sản xuất, tàn suất mất mùa gia tăng. Vì vậy, sản xuất cây công nghiệp chủ lực ở Tây Nguyên thiếu ổn định, hiệu quả thấp và chưa bền vững.

- a) Mùa khô kéo dài thuận lợi cho bảo quản nông sản ở Tây Nguyên. (Đúng)
- b) Khí hậu của Tây Nguyên thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới. (Sai)
- c) Biến đổi khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất của cây công nghiệp ở Tây Nguyên. (Đúng)
- d) Đầu tư nghiên cứu giống cây thích nghi với biến đổi khí hậu là giải pháp hiệu quả nhất trong việc chống hạn để phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay. (Sai)

Câu 2. Cho thông tin sau:

Tuy diện tích và trữ lượng rừng của vùng Đông Nam Bộ không lớn, song có giá trị cung cấp gỗ dân dụng, nguyên liệu giấy. Hệ thống rừng của vùng có giá trị bảo tồn tài nguyên sinh vật như: Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ và các vườn quốc gia Nam Cát Tiên, Bù Gia Mập, Lò Gò - Xa Mát, Côn Đảo.

- a) Rừng ở Đông Nam Bộ phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ. (Đúng)
- b) Rừng sản xuất có vai trò chủ yếu cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến trong nước. (Sai)
- c) Rừng ngập mặn được trồng ven biển có vai trò chủ yếu là hạn chế tác động của gió Lào. (Sai)
- d) Giải pháp quan trọng để giữ mực nước ngầm và nước ở các hồ chứa của Đông Nam Bộ là bảo vệ và phát triển vốn rừng. (Đúng)

Câu 3. Cho thông tin sau:

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có lực lượng lao động dồi dào, tay nghề cao, năng động, sáng tạo, thích ứng với nền kinh tế thị trường. Cơ sở hạ tầng phát triển hiện đại và ngày càng hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng với hệ thống quốc lộ, cao tốc, cảng hàng không (Tân Sơn Nhất, Long Thành - đang xây dựng, Côn Đảo), cảng sông, cảng biển (Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu,...). Vùng có nhiều chính sách linh hoạt trong thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ,...

- a) Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có lực lượng lao động nhập cư lớn. (Đúng)
- b) Lao động có trình độ, có cơ sở hạ tầng hiện đại, chính sách phù hợp giúp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước. (Đúng)
- c) Vùng tập trung vào sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện, điện tử; công nghiệp chế biến chế tạo; kinh tế số; tài chính ngân hàng; bất động sản. (Đúng)
- d) Giải pháp chủ yếu thúc đẩy phát triển kinh tế ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là chuyển đổi cơ cấu kinh tế, khuyến khích đầu tư trong nước và tập trung khai thác khoáng sản. (Sai)

Câu 4. Cho thông tin sau:

Ở vùng Đồng bằng sông Hồng, công nghiệp là ngành kinh tế phát triển sớm và có vai trò quan trọng. Giá trị sản xuất công nghiệp của vùng cao và tăng nhanh, chiếm trên 37% so với cả nước vào năm 2021. Công nghiệp của vùng đóng góp ngày càng lớn vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của đất nước.

- a) Công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng chiếm tỉ trọng lớn hàng đầu cả nước. (Đúng)
- b) Công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng có lịch sử phát triển lâu đời, có Hà Nội là trung tâm công nghiệp lớn bậc nhất cả nước. (Đúng)
- c) Trong những năm gần đây, vùng Đồng bằng sông Hồng đẩy mạnh khai thác than nâu và khí tự nhiên để phát triển nhiệt điện. (Sai)
- d) Khoáng sản kim loại ở vùng Đồng bằng sông Hồng có trữ lượng lớn và có vai trò quan trọng nhất để phát triển công nghiệp của vùng. (Sai)

Câu 5. Cho thông tin sau:

Đàn gia súc chủ lực của Trung du và miền núi Bắc Bộ là trâu và bò (lấy thịt, sữa). Vùng dẫn đầu cả nước về đàn trâu. Trâu được nuôi nhiều ở Hà Giang, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai và Cao Bằng. Đàn bò (thịt và sữa) ngày càng tăng trong đó bò sữa được nuôi nhiều ở Mộc Châu (Sơn La).

a) Chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có hai hướng chuyên môn hóa là lấy thịt và sức kéo. (Sai)

b) Trâu được nuôi nhiều ở Trung du và miền núi Bắc Bộ do phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng. (Đúng)

c) Tổng đàn bò của Trung du và miền núi Bắc Bộ tăng nhanh chủ yếu do thị trường ngày càng mở rộng. (Đúng)

d) Chăn nuôi bò sữa ngày càng được phát triển do các đồng cỏ được cải tạo tốt, nhu cầu thị trường tăng. (Đúng)

Câu 6. Cho thông tin sau:

Năm 2021, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có số lượng đàn trâu chiếm 55%, đàn bò chiếm 19% cả nước. Vùng có số lượng đàn ngựa và dê nhiều nhất cả nước. Từ hình thức chăn thả tự nhiên, phân tán theo hộ gia đình, vùng đã hình thành một số mô hình chăn nuôi công nghiệp, điển hình là chăn nuôi bò sữa ở cao nguyên Mộc Châu.

a) Việc chăn nuôi ngựa góp phần quan trọng cho Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển hoạt động du lịch. (Sai)

b) Đàn trâu được nuôi nhiều hơn đàn bò chủ yếu do nhu cầu sức kéo trong nông nghiệp và tập quán sử dụng thực phẩm của địa phương. (Sai)

c) Khó khăn lớn đối với phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là việc vận chuyển sản phẩm đến thị trường tiêu thụ. (Đúng)

d) Giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi gia súc lớn là áp dụng tiên bộ kỹ thuật, phát triển trang trại, chăn nuôi hàng hóa. (Đúng)

Câu 7. Cho bảng số liệu:

Sản lượng gỗ khai thác một số vùng của nước ta giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: Nghìn m³)

Năm	2018	2019	2020	2021
Trung du và miền núi Bắc Bộ	4087,8	4315,1	4419,3	4847,9
Tây Nguyên	685,7	699,3	712,0	753,7
Đồng bằng sông Cửu Long	800,5	801,8	805,9	797,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

a) Sản lượng gỗ khai thác ở Đồng bằng sông Cửu Long tăng liên tục.

b) Sản lượng gỗ khai thác ở Đồng bằng sông Cửu Long luôn lớn nhất.

c) Tốc độ tăng trưởng sản lượng gỗ khai thác ở Đồng bằng sông Cửu Long thấp nhất.

d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất để so sánh quy mô sản lượng gỗ khai thác một số vùng của nước ta, giai đoạn 2018 - 2021.

Câu 8. Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ giáp với một số vùng kinh tế của nước ta và nước láng giềng Lào. Vị trí địa lý Bắc Trung Bộ thuận lợi cho việc kết nối giữa các tỉnh phía bắc với các tỉnh Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, nằm trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây của tiểu vùng sông Mê Công, là cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng.

a) Bắc Trung Bộ tiếp giáp với Tây Nguyên ở phía Nam và Đồng bằng sông Hồng ở phía Bắc. (Sai)

b) Tất cả các tỉnh của Bắc Trung Bộ đều giáp biển thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. (Đúng)

c) Với vị trí địa lý đặc biệt nên Bắc Trung Bộ là cửa ngõ ra biển cho một số nước trong khu vực. (Đúng)

d) Khó khăn chủ yếu về tự nhiên do vị trí mang lại cho Bắc Trung Bộ là có nhiều thiên tai, gây thiệt hại lớn. (Đúng)

Câu 9. Cho thông tin sau:

Cây công nghiệp hàng năm quan trọng bậc nhất ở Bắc Trung Bộ là cây lạc, được trồng nhiều ở tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa; tiếp theo là cây mía trồng nhiều ở Thanh Hóa, Nghệ An,...

a) Các cây công nghiệp hàng năm như lạc, mía, thuốc lá được trồng ở Bắc Trung Bộ trên cơ sở đất cát pha ở đồng bằng ven biển. (Đúng)

- b)** Giải pháp chủ yếu phát triển cây công nghiệp hàng năm theo hướng hàng hóa ở Bắc Trung Bộ là sản xuất tập trung, phát triển thị trường, tăng cường việc chế biến. (Đúng)
- c)** Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ dựa trên điều kiện lao động đông, thị trường lớn. (Sai)
- d)** Ý nghĩa của việc phát triển cây công nghiệp hàng năm ở Bắc Trung Bộ là khai thác thế mạnh, tạo sản phẩm hàng hóa, giải quyết việc làm. (Đúng)

Câu 1. Năm 2023, tổng đàn trâu cả nước là 2136,0 nghìn con, vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có 1193,5 nghìn con. Tính tỉ trọng trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ trong tổng đàn trâu cả nước (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Trả lời

Đáp án: $(1193,5 : 2136,0) \times 100 \approx 55,9$

Câu 2. Năm 2021, tổng giá trị GRDP của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là 952,9 nghìn tỉ đồng, trong đó công nghiệp xây dựng chiếm 41,4%. Tính giá trị GRDP trong công nghiệp xây dựng của vùng năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

Trả lời

Đáp án: $(41,4 \times 952,9) \times 100 = 395$

Câu 3. Biết năm 2023, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có số dân là 13162,4 nghìn người, diện tích tự nhiên 95184,1 km². Cho biết mật độ dân số vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ năm 2023 là bao nhiêu người/km²?

Trả lời

Đáp án: $13162400 : 95184,1 \approx 138$

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô của Đồng bằng sông Hồng năm 2020 và 2022

(Đơn vị: ‰)

Năm	2020	2022
Tỉ suất sinh thô	17,2	15,2
Tỉ suất tử thô	6,1	6,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2021, NXB Thống kê Việt Nam 2022)

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng năm 2022 giảm so với năm 2020 là bao nhiêu % ? (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ 2 của %)

Trả lời

- Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng năm 2022 là: $15,2 - 6,0 = 9,2 ‰ = 0,92\%$.
 - Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng năm 2020 là: $17,2 - 6,1 = 11,1 ‰ = 1,11 \%$.
- Đáp án:** $1,11 - 0,92 = 0,19$

Câu 6. Năm 2023, Tây Nguyên có diện tích trồng lạc là 11421 ha, sản lượng lạc là 22109 tấn. Hỏi năng suất lạc năm 2023 của Tây Nguyên là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha)

Trả lời

Đáp án: $22109 : 11421 = 1,93582 \text{ tấn/ha} \approx 19,4 \text{ tạ/ha}$

Câu 7. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng một số cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên, năm 2021

Cây công nghiệp	Diện tích gieo trồng (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Cao su	232,2	287,7
Cà phê	657,4	1748,2
Chè	11,5	135,9

Hồ tiêu	83,5	200,8
---------	------	-------

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2022)

Cho biết cây cà phê có sản lượng cao nhất gấp bao nhiêu lần cây chè? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Trả lời

Đáp án: $1748,2 : 135,9 \approx 12,9$

Câu 8. Năm 2021, sản lượng thủy sản khai thác của Đông Nam Bộ là 374,1 nghìn tấn, sản lượng nuôi trồng là 144,2 nghìn tấn. Hỏi sản lượng khai thác bằng bao nhiêu % so với sản lượng nuôi trồng? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

Trả lời

Đáp án: $(374,1 : 144,2) \times 100 \approx 259$

Câu 9. Sản lượng thủy sản vùng Đông Nam Bộ năm 2023 là 524921 tấn, trong đó sản lượng thủy sản khai thác là 367711 tấn. Hỏi tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác trong sản lượng thủy sản của Đông Nam Bộ năm 2023 là bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Trả lời

Đáp án: $(367711 : 524921) \times 100 \approx 70,1$

Câu 10. Cho bảng số liệu:

Tổng số dân và số dân thành thị vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2021

(Đơn vị : Nghìn người)

Năm	2015	2018	2020	2021
Tổng số dân	16 448,5	17 527,4	18 342,9	18 315,0
Trong đó : Số dân thành thị	10 279,6	11 018,9	12 172,3	12 165,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Cho biết tỉ trọng dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2021 tăng lên bao nhiêu % so với năm 2015? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của %)

Trả lời

- Tỉ trọng dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2015 là: $(10279,6 : 16448,5) \times 100 = 62,49567 \%$.

- Tỉ trọng dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2021 là: $(12165,0 : 18315,0) \times 100 = 66,42097 \%$.

Đáp án: $66,42097 - 62,49567 \approx 3,9$

Câu 11. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại thành phố Hồ Chí Minh

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

Tính nhiệt độ trung bình năm của Thành phố Hồ Chí Minh. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của °C)

Trả lời

Đáp án: $(25,8 + 26,7 + 27,9 + 28,9 + 28,3 + 27,5 + 27,1 + 27,1 + 26,8 + 26,7 + 26,4 + 25,7) : 12 = 27,1$

Câu 12. Năm 2021, vùng Đông Nam Bộ có dân số là 18 300 000 người và diện tích là 23 600 km². Hỏi mật độ dân số của vùng Đông Nam Bộ năm 2021 là bao nhiêu người/km²?

Trả lời

Đáp án: $18300000 : 23600 \approx 775$

Câu 13. Tính năng suất gieo trồng lúa cả năm ở Đồng bằng sông Cửu Long năm 2022, biết diện tích lúa cả năm ở vùng này là 3 802,6 nghìn ha và sản lượng lúa là 23 536,3 nghìn tấn. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha)

Trả lời

Đáp án: $23536,3 : 3802,6 = 6,189528 \text{ tấn/ha} \approx 61,9 \text{ tạ/ha}$

Câu 14. Năm 2021, đồng bằng sông Cửu Long có diện tích trồng lúa là 3,9 triệu ha, năng suất lúa đạt 62,3 tạ/ha. Hỏi sản lượng lúa của đồng bằng là bao nhiêu triệu tấn? *(làm tròn đến số thập phân thứ nhất của triệu tấn)*

Trả lời

Đáp án: $62,3 \times 3,9 = 242,97$ triệu tạ $\approx 24,3$ triệu tấn

Câu 15. Năm 2021 dân số của Đồng bằng sông Cửu Long là 17,4 triệu người, tỉ lệ dân thành thị là 26,4%. Tính số dân nông thôn của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người)*

Trả lời

- Số dân thành thị của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 là: $(26,4 \times 17,4) : 100 = 4,5936$ triệu người.

Đáp án: $17,4 - 4,5936 \approx 12,8$

Câu 16 Năm 2021, diện tích lúa của cả nước là 7238,9 nghìn ha, của Đồng bằng Sông Cửu Long là 3898,6 nghìn ha. Tính tỉ trọng diện tích lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước. *(làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)*

Trả lời

Đáp án: $(3898,6 : 7238,9) \times 100 \approx 53,9$

Câu 14. Quy mô dân số vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2021 là 23224,84 nghìn người, năm 2022 là 23454,20 nghìn người. Vậy tốc độ gia tăng dân số năm 2022 của Đồng bằng sông Hồng là bao nhiêu %? *(làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân của %)*

Trả lời

Đáp án: $(23454,20 - 23224,84) : 23224,84 \times 100 \approx 0,99$

Câu 15. Năm 2021, vùng Đồng bằng sông Hồng có dân số là 23,2 triệu người, sản lượng lương thực đạt 6020,4 nghìn tấn. Tính bình quân lương thực theo đầu người của vùng. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của kg/người)*

Trả lời

Đáp án: $6,0204 : 23,2 = 0,2595$ tấn/người ≈ 260 kg/người

Câu 16. Hãy tính bình quân đất nông nghiệp của đồng bằng sông Hồng năm 2021 biết diện tích đất nông nghiệp là 970,3 nghìn ha, dân số là 23,2 triệu người. *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai của ha/người)*

Trả lời

Đáp án: $0,9703 : 23,2 \approx 0,04$

Câu 17. Năm 2021, tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta là 336,1 tỉ USD, trong đó Đồng bằng sông Hồng chiếm 35%. Tính trị giá xuất khẩu hàng hóa của Đồng bằng Sông Hồng năm 2021. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD)*

Trả lời

Đáp án: $(35 \times 336,1) : 100 \approx 118$

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng tại Nha Trang và Đà Lạt

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đà Lạt	16,8	17,2	17,9	20,0	19,8	19,8	19,3	19,9	19,4	19,1	18,4	17,5
Nha Trang	24,4	25,2	25,6	28,6	29,3	29,5	29,2	29,8	29,0	28,0	27,0	26,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Nha Trang cao hơn Đà Lạt bao nhiêu °C? *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).*

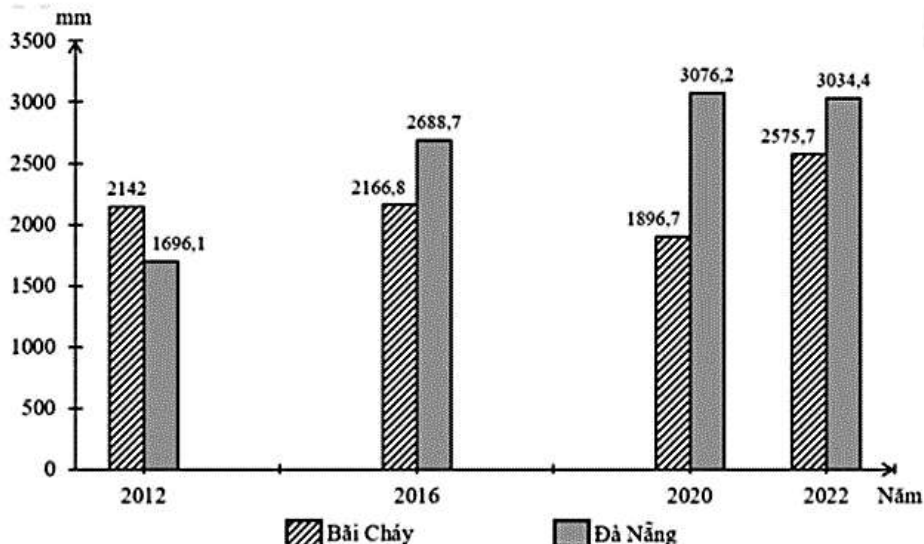
Đáp án:

- Nhiệt độ trung bình năm của Nha Trang: $(24,4 + 25,2 + 25,6 + 28,6 + 29,3 + 29,5 + 29,2 + 29,8 + 29,0 + 28,0 + 27,0 + 26,3) : 12 = 27,65833333^{\circ}\text{C}$

- Nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt: $(16,8 + 17,2 + 17,9 + 20,0 + 19,8 + 19,8 + 19,3 + 19,9 + 19,4 + 19,1 + 18,4 + 17,5) : 12 = 18,75833333^{\circ}\text{C}$

- Nhiệt độ trung bình năm của Nha Trang lớn hơn Đà Lạt: $27,65833333 - 18,75833333 = 8,9$

Câu 14. Cho biểu đồ:



Lượng mưa tại Bãi Cháy và Đà Nẵng, giai đoạn 2012 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê, 2023)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Lượng mưa ở Bãi Cháy luôn đạt trên 2000 mm.
- B. Lượng mưa ở Đà Nẵng luôn đạt trên 2000 mm.
- C. Đà Nẵng có lượng mưa luôn lớn hơn Bãi Cháy.
- D. Năm 2022, lượng mưa của Đà Nẵng gấp hơn 1,1 lần Bãi Cháy.**

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Hồng có đường bờ biển dài từ Quảng Ninh đến Ninh Bình, có nhiều bãi tắm, trên biển có nhiều đảo, đặc biệt quần thể Vịnh Hạ Long và quần đảo Cát Bà tạo thuận lợi để phát triển du lịch. Diện tích vùng biển rộng, nhiều vịnh, nhiều cửa sông, có ngư trường trọng điểm Hải Phòng - Quảng Ninh thuận lợi để nuôi trồng, khai thác thủy sản và phát triển giao thông vận tải biển.

- a) Vịnh Hạ Long là di sản thiên nhiên thế giới, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước.
- b) Đồng bằng sông Hồng hiện nay đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản do thúc đẩy sản xuất hàng hóa, đáp ứng thị trường.
- c) Giải pháp phát triển kinh tế biển của Đồng bằng sông Hồng là tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái.

d) Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các hoạt động kinh tế biển là nâng cao chất lượng lao động, tạo sự đồng đều về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng.

Câu 7. Cho thông tin sau:

Đông Nam Bộ có vùng biển và thềm lục địa rộng lớn, giàu tài nguyên, gần các ngư trường lớn, có các đảo, bãi tắm và phong cảnh đẹp thuận lợi cho phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

- a) Các ngành kinh tế biển giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của vùng Đông Nam Bộ. (Đúng)
- b) Hoạt động du lịch biển phát triển quanh năm chủ yếu do khí hậu cận xích đạo, có nhiều bãi biển đẹp, hạ tầng tốt. (Đúng)**
- c) Phát triển các ngành kinh tế biển có ý nghĩa chủ yếu là thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, sự phân hóa lãnh thổ. (Đúng)

d) Giải pháp đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là khai thác triệt để các loại tài nguyên phục vụ sản xuất. (Sai)

Câu 29. Cho bảng số liệu:

Diện tích nuôi trồng và sản lượng thủy sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010 - 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm Tiêu chí	2010	2015	2020	2021
Tổng sản lượng thủy sản	2999,1	3703,4	4834,2	4918,6
- Sản lượng nuôi trồng	1986,6	2471,3	3320,8	3410,5
- Sản lượng đánh bắt	1012,5	1232,1	1513,4	1508,1

- a) Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất thủy sản lớn nhất nước ta. (Đúng)
- b) Biểu đồ Miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng thủy sản nuôi trồng và đánh bắt của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010 - 2021. sai
- c) Tỷ trọng sản lượng thủy sản đánh bắt có xu hướng tăng trong cơ cấu giá trị sản lượng thủy sản. (Sai)
- d) Sản lượng nuôi trồng luôn cao hơn đánh bắt do nuôi trồng có nhiều thuận lợi để phát triển. (Đúng)

Câu 18. Năm 2021 số dân của Đông Nam Bộ là 18 315 nghìn người, số dân nông thôn là 6 150 nghìn người. Cho biết số dân nông thôn của Đông Nam Bộ năm 2021 ít hơn số dân thành thị bao nhiêu nghìn người?

Trả lời

- Số dân thành thị của Đông Nam Bộ năm 2021 là: $18315 - 6150 = 12165$ nghìn người.
Đáp án: $12165 - 6150 = 6015$